

Đắk Lắk, ngày tháng 02 năm 2024

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2023**

(Kèm Quyết định số /QĐ-TTN ngày tháng 02 năm 2024 của Trung tâm Nước sạch và VSMTNT)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Kinh phí không thường xuyên	13.939,0	13.707,093	98,3%	
a	Chi hoạt động	7.639,0	7.586,8	99,3%	
	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp 06 - Hợp đồng thực hiện Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả"	210,0	210,00	100,0%	
	Chi bù giá nước sạch	6.700,0	6.700,0	100,0%	
	Kinh phí thực hiện kiểm tra QLTS kết cấu hạ tầng nước sạch nông thôn	90,0	82,05	91,2%	
	Thực hiện công tác theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch nông thôn	639,0	594,74	93,1%	
b	Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công	6.300,0	6.120,30	97,1%	
	CTCN sinh hoạt Ea Phê, huyện Krông Pắc	2.250,0	2.176,45	96,7%	
	CTCN sinh hoạt xã Quảng Hiệp, huyện Cư M'gar	900,0	885,17	98,4%	
	CTCN sinh hoạt xã Cư Ea Lang, huyện Ea Kar	2.250,0	2.212,68	98,3%	
	Bảo dưỡng, sửa chữa phòng xét nghiệm	217,5	210,83	96,9%	
	Tư vấn đào tạo thử nghiệm viên phòng xét nghiệm	97,0	97,00	100,0%	
	Mua sắm máy móc, thiết bị, dụng cụ, hóa chất chuyên dùng cho phòng xét nghiệm	495,0	447,71	90,4%	
	Mua sắm trang thiết bị, bàn ghế, tủ sắt phụ trợ cho hoạt động phòng xét nghiệm	90,5	90,46	100,0%	